

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17/6/2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh P

Bà Lê Thị Kim X

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Thanh Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 30/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 382/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 397/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Châu Thị N, sinh năm 1985

Địa chỉ thường trú: Ấp E, xã L, huyện N, tỉnh Đ.

Địa chỉ tạm trú: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M năm: 1977

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N và anh M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 01 năm 2024 và lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Châu Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn M chung sống với nhau từ năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Đ vào ngày 15/10/2011. Sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng nhiều

năm gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia đình, không có trách nhiệm với vợ con dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng chỉ đã nhiều lần ngồi lại bàn bạc với nhau nhưng không đạt được kết quả. Chị đã dọn về nhà mẹ ruột sinh sống hơn một năm và trong thời gian này anh chị không bàn bạc đoàn tụ. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh M và mục đích hôn nhân không đạt nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Trí Q ngày 02/02/2012 và cháu Nguyễn Trí V ngày 09/11/2013; ly hôn chị N1 được nuôi hai con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn M đã được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của vụ án nhưng anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Từ khi thụ lý, quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh M. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trí Q ngày 02/02/2012 và cháu Nguyễn Trí V ngày 09/11/2013 cho chị N2 dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Châu Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh M.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn M có địa chỉ thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Châu Thị N về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn M thì thấy rằng: Chị N, anh M kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đ vào ngày 15/10/2011 nên xác định hôn nhân giữa chị N và anh M là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh M thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình. Anh chị đã nhiều lần ngồi lại bàn bạc nhưng không thể hàn gắn được tình cảm. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng anh M không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, chứng tỏ việc anh M bỏ mặc hôn nhân, không có thiện chí hàn gắn xây dựng gia đình. Xét thấy, vợ chồng chị N anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N, xử cho chị Châu Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Trí Q ngày 02/02/2012 và cháu Nguyễn Trí V ngày 09/11/2013. Chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, cháu V và hai cháu đã có bản khai trình bày có nguyện vọng tiếp tục được ở với chị N sau khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, cần đảm bảo ổn định cuộc sống, tâm lý và nguyện vọng của cháu Q, cháu V nên Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Nguyễn Trí Q ngày 02/02/2012 và cháu Nguyễn Trí V ngày 09/11/2013 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Chị N không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, anh M cũng không có đơn tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Đang sự khai không có nên không xét.

[4] Về án phí: Chị N là người nộp đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn” của chị Châu Thị N và anh Nguyễn Văn M.

Xử cho chị Châu Thị N ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trí Q ngày 02/02/2012 và cháu Nguyễn Trí V ngày 09/11/2013 cho chị Châu Thị N trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời anh Nguyễn Văn M phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn M được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

4. Về án phí: Chị Châu Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0017185 ngày 08/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Chị N đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- CCTHADS H. Nhơn Trạch;
- VKSND H. Nhơn Trạch;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hằng